

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-ST
Ngày 22-06-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đoàn Thân và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 06 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 06 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T; sinh năm 1990; tại: xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Tống Thị H và có 02 con; tiền án: không;

Tiền sự: ngày 18/01/2021, bị Công an xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi trộm cắp tài sản.

Nhân Thân:

- Ngày 13/5/2010, bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng 21 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 12 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong.

- Ngày 17/6/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn xử phạt 40 tháng 21 ngày tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong.

- Ngày 19/4/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2021 đến ngày 23/02/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

*** Bị hại:** anh Trương Thế T1, sinh năm 1990. Địa chỉ: thôn Hoàng Vân, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Tống Văn L, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Đồng Toàn, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Duy T, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố 3 Đoàn Kết, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Chị Tống Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn Gia Miêu, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 45 phút, ngày 10 tháng 02 năm 2021, Nguyễn Ngọc T đi bộ đến nhà anh Trương Thế Q chơi. Khi đến nơi, thấy cửa cổng mở nên T đi thẳng vào sân rồi gọi Q, nhưng không thấy ai trả lời, thấy cửa vào nhà chính chỉ khép hờ, T mở cửa ra thì thấy em trai Q là Trương Thế T1 đang nằm ngủ trên ghế Sôfa ở phòng khách. T quan sát, thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu hồng phấn, viền vàng đang sạc pin ở trên mặt ghế sôfa, gần cửa buồng, T tiến lại gần rút điện thoại ra khỏi dây sạc rồi cầm đi ra ngoài sân bấm gọi, tuy nhiên do điện thoại bị khóa màn hình nên T không mở để gọi được. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại nên bỏ điện thoại vào túi quần, rồi đi về nhà mình. Khi về đến nhà, T thấy điện thoại có nhiều cuộc gọi đến, T không nghe máy đồng thời tắt nguồn, rồi mang chiếc điện thoại mới trộm được ra giấu ở đồng gạch sau vườn nhà mình. Sau đó, T lấy xe máy đi ra thị xã Bim Sơn chơi. Anh T1 khi ngủ dậy tìm điện thoại không thấy, nên đã lấy điện thoại khác gọi vào số máy điện thoại của mình nhưng không được. Sau đó anh T1 đến nhà anh Tống Văn L ở thôn Đ, xã H nhờ anh Lượng khóa tài khoản Icloud lại. Anh T1 có nghi ngờ T là người lấy trộm điện thoại của mình, nên đến nhà T để tìm. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, anh T1 gặp và hỏi T về việc T lấy trộm điện thoại của mình. Anh T1 nói với T nếu cầm cố ở đâu thì chỉ cho anh chuộc lại. Lúc này, T mới thừa nhận đã trộm chiếc điện thoại của anh T1 và cầm cố được 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng). Anh T1 bảo T chỉ chỗ để đi chuộc điện thoại. T đi lại đồng gạch sau vườn,

lấy chiếc điện thoại, tháo sim để lại ở nhà, còn điện thoại bỏ vào túi quần rồi ra ngồi sau xe anh T1, để anh T1 chở ra Bim Sơn. T chỉ đường cho anh T1 đến trước cửa hàng điện thoại T ở phường N, thị xã B, T bảo anh T1 dừng lại. Sau đấy, anh T1 lấy 1.100.000đ đưa cho T để vào chuộc điện thoại. Nhận được tiền từ anh T1, T đi bộ vào cửa hàng điện thoại, gặp anh Phạm Duy T (chủ cửa hàng), T hỏi mua chiếc thẻ điện thoại Viettel 50.000 (năm mươi nghìn đồng). Anh Tuệ đi vào trong quán, T đi theo vào trong lấy thẻ điện thoại rồi đi ra ngoài đưa chiếc điện thoại cho anh T1. Kiểm tra thấy đúng điện thoại của mình, anh T1 bấm mở nguồn nhưng lúc này điện thoại đã bị khóa. Anh T1 hỏi T mở điện thoại thế nào thì T trả lời “Điện thoại của ông thì ông mở đi”. Anh T1 quay vào hỏi anh Tuệ nhờ mở khóa Icloud nhưng anh Tuệ trả lời không mở được. Sau đó, anh T1 quay ra chở T về. Trên đường về anh T1 đòi T trả lại tiền chuộc điện thoại, T lấy trong túi ra 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đưa cho Thuyết và xin Thuyết số tiền còn lại để mua sữa cho con, sẽ trả sau. Anh T1 đồng ý rồi chở T về nhà lấy chiếc sim điện thoại. Anh T1 đi đến nhà anh Lượng, để nhờ mở lại tài khoản Icloud. Đến ngày 17/02/2021 anh T1 tìm T để đòi lại số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) nhưng không gặp được T. Anh T1 đến Công an xã Hà Long tố cáo về hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Ngọc T. Biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên cùng ngày Nguyễn Ngọc T đã đầu thú tại Công an xã Hà Long.

Vật chứng của vụ án: một điện thoại nhãn hiệu APPLE, kiểu máy Iphone 8plus, mặt kính màn hình cảm ứng, phía trước có một nút home mặt kính, phía sau bên trong màu vàng, viền nhôm màu vàng, màn hình rộng 5,5 inches.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/HĐĐG ngày 22/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Hà Trung, kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus đã qua sử dụng, có giá trị là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)

Cáo trạng số 35/CT-VKS-HT ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả số tiền 900.000 đồng cho anh Trương Thế T1; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được, đủ cơ sở khẳng định: khoảng 6 giờ 45 phút, ngày 10/02/2021, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi lén lút vào nhà anh Trương Thế T1 ở thôn Hoàng Vân, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa lấy trộm một chiếc điện thoại Iphone 8 plus trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Mặt khác, Bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã từng hai lần bị kết án về hành vi “Trộm cắp tài sản” và một lần về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Mặc dù, đã hết thời gian để được coi là chưa bị kết án, nhưng điều đó cho thấy bản chất khó cải tạo của bị cáo. Ngoài ra, Bị cáo còn bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo và đầu thú tại cơ quan điều tra, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, căn cứ những tình tiết này để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của anh T1, anh T1 có đưa số tiền 1.100.000 đồng cho bị cáo để đi chuộc chiếc điện thoại.

Bị cáo đã trả cho anh T1 200.000 đồng, số tiền còn lại anh T1 yêu cầu bị cáo phải trả lại, nên bị cáo phải có trách nhiệm trả cho anh T1.

[8]. Về xử lý vật chứng: Nguyễn Ngọc T đã trả lại cho anh Trương Thế T1 01 (một) điện thoại nhãn hiệu APPLE, kiểu máy Iphone 8plus, anh T1 không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: xử phạt Nguyễn Ngọc T 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/02/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ các điều 584, 585 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả cho anh Trương Thế T1 số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Trương Thế T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, Bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Hà Trung;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Văn Nam